

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Ngọc Bích

2. Bà Phạm Thị Phương Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1-Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số 216/2024/TLVA ngày 02/10/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HN ngày 09/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 18 Đường m, Phường n Thành phố K.

Bị đơn: Ông Quách T, sinh năm 1972.

Hộ khẩu thường trú: 137 Đường m, phường n, Thành phố K

Hiện đang chấp hành án tại Trại Tạm giam XN thuộc Bộ Công an.

Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn xin ly hôn ngày 29 tháng 7 năm 2024; các bản khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn - bà Nguyễn A trình bày:

Bà Nguyễn A và ông Quách T chung sống hợp pháp và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, Thành phố K vào ngày 10/4/2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số XX, quyển số XX/2009. Trong quá trình chung sống, bà và ông Quách T không hoà hợp về cách sống, suy nghĩ và không có tiếng nói chung, hai bên thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đỉnh điểm để bà đi đến quyết định ly hôn là khi hai bên xảy ra mâu thuẫn

do bất đồng trong cuộc sống ngày một sâu sắc, ông T không nói gì và đã bỏ nhà ra đi từ khoảng tháng 8/2009 đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn, không thể tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Quách T.

Về con chung: Quá trình hôn nhân, bà và ông Quách T có 01 con chung tên Quách B, giới tính nữ, sinh ngày 05/8/2010. Bà Nguyễn A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông Quách T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Bị đơn ông Quách T hiện đang chấp hành án tại Trại Tạm giam XN thuộc Bộ Công an. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Quách T có bản tự khai ngày 18/4/2025 trình bày:*

Ngày 10/4/2009, ông Quách T kết hôn với bà Nguyễn A theo Giấy kết hôn số XX quyền số 01/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường Y, Thành phố K trên tinh thần tự nguyện. Nay bà Nguyễn A yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà A vì vẫn còn tình cảm với bà A.

Ông cho rằng vẫn có thể hàn gắn lại mối quan hệ này sau khi ông thi hành xong án phạt tù. Đồng thời, ông muốn cháu Quách B được sống trong sự đầy đủ tình yêu thương của cả ba và mẹ để đảm bảo rằng cháu được phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Ông cũng không đồng ý giao con chung cho bà A nuôi dưỡng mà không có sự trợ giúp của ông.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác nhận giữa ông và bà Nguyễn A không có.

Trong trường hợp nếu phải ly hôn thì ông mong muốn được trực tiếp giải quyết vụ việc sau khi đã chấp hành xong hình phạt tù.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai do đang thi hành án phạt tù mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 không có kiến nghị gì về tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn A ly hôn với ông Quách T. Đồng thời giao

con chung tên Quách B, giới tính nữ, sinh ngày 05/8/2010 cho bà Nguyễn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn A về việc không yêu cầu ông Quách T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án:

Nguyên đơn bà Nguyễn A có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn bị đơn ông Quách T, do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của Công an Phường N thì bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 137 Đường m, phường n, Thành phố K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đối với đương sự:

Theo kết quả xác minh của Công an Phường N, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết ông Quách T có hộ khẩu thường trú tại 137 Đường m, phường n, Thành phố K nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên mà đang chấp hành án phạt tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Trại giam XN - Cục C10 - Bộ Công an. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai do đang thi hành án phạt tù mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số XX, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường Y, Thành phố K cấp ngày 10/4/2004; Căn cứ lời khai của bà A về quá trình tiến đến hôn nhân giữa bà A và ông T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên có cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn A về việc yêu cầu ly hôn với ông Quách T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống, hai bên đã có sự bất hòa sâu sắc về cách sống, suy nghĩ và không có tiếng nói chung. Những mâu thuẫn này không phải là tạm thời mà đã diễn ra thường xuyên, dai dẳng, cho thấy sự rạn nứt nghiêm trọng trong mối quan hệ vợ chồng mà vốn là phải có sự lắng nghe và thấu hiểu.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Quách T đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 8/2009. Trong quá trình hôn nhân, ông Quách T đang chấp hành án phạt tù nên

việc ly thân của vợ chồng là có diễn ra trên thực tế. Sự vắng mặt của ông Quách T kéo dài khiến cho các nghĩa vụ và quyền lợi cơ bản của vợ chồng như chung sống, chăm sóc, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau chăm sóc con cái hoàn toàn không thể thực hiện được.

Đồng thời, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hạnh phúc, ổn định, cùng nhau vượt qua khó khăn và chia sẻ niềm vui, nuôi dạy con cái nhưng hiện nay tình trạng các bên hiện đang ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông Quách T có bản khai bày tỏ mong muốn hàn gắn và cho rằng còn tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên tình cảm hôn nhân là sự gắn kết từ hai phía, bà Nguyễn A khẳng định bà không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục chung sống với ông T. Do đó việc duy trì mối quan hệ hôn nhân là không cần thiết. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn A đối với ông Quách T.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống, bà Nguyễn A và ông Quách T có một con chung là Quách B (giới tính nữ, sinh ngày 05/8/2010), bà yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi bà A vào ông T sống ly thân đến nay, bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; ông T hiện nay đang chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện chăm sóc, giáo dục con vì vậy việc để cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cần thiết và phù hợp để con chung được chăm sóc đầy đủ và phát triển toàn diện.

Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, trẻ Quách B có bản khai xác nhận đang ở với mẹ là bà A, từ lâu đã không liên lạc được với ba, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho bà Nguyễn A được trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai được quyền cản trở, nhưng bị đơn không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nguyên đơn.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn A và ông Quách T xác nhận giữa ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn A:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn A, sinh năm 1981 được ly hôn với ông Quách T, sinh năm 1972 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2009.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Quách B (giới tính nữ), sinh ngày 05/8/2010 cho bà Nguyễn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn A không yêu cầu ông Quách T cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về án phí hôn nhân: Bà Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00379XX ngày 02/10/2024 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1. Bà Nguyễn A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn A và ông Quách T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./ .

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Đường sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hồng Hạnh

